CÔNG TY CỔ PHẦN X-LAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN X-LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109486162

3. Ngày thành lập: 07/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

11A Hẻm 218/27/8 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0336950303* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đào tạo sơ cấp	*8531*
2.	Đào tạo trung cấp	*8532*
3.	Giáo dục thể thao và giải trí	*8551*
4.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	*8552*

5.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng như: + Đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực giám sát thi công xây dựng (Khoản 33 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); + Đào tạo ngắn hạn về kỹ sư định giá xây dựng (Khoản 2 Điều 52 Nghị định 59/2015/NĐ-CP;Khoản 6 Điều 16 Thông tư 17/2016/TT-BXD) + Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản (Khoản 3 Điều 2 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); + Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong lĩnh vực đấu thầu, quản lý dự án, giao thông, thuỷ lợi + Đào tạo nhân lực trong lĩnh vực xây dựng công trình, quản lý dự án, quản lý kinh tế, giao thông; + Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư (Khoản 1 Điều 2 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)	*8559(Chính)*

6.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng (Điều 73 Luật xây dựng 2014) - Thiết kế xây dựng công trình: giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế kết cấu công trình: Dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, thủy lợi; Thiết kế công trình: cấp thoát nước; Thiết kế Kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình (Điều 154 Luật xây dựng 2014) - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 Luật xây dựng 2014); - Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình đường dây truyền tải và trạm biến áp 35kv (Khoản 12 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP) - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: Dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Kiểm định chất lượng công trình; Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện về đảm bảo an toàn chịu lực (Điều 155 Luật xây dựng 2014) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình,chỉ số giá xây dựng; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (Điều 156 Luật xây dựng 2014) - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP) - Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động của môi trường (Điều 19 Luật môi trường 2014) - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Điều 5 Nghị định 62/2016/NĐ-CP) - Tư vấn lập dự án công trình xây dựng (Điều 152 Luật Xây dựng 2014) - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật xây dựng 2012 - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy (Điều 41 NĐ 79/2014/NĐ-CP) - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy chữa cháy (Điều 42 NĐ 79/2014/NĐ-CP)	*7110*
7.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
8.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*

9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	*6820*
10.	Phá dỡ	*4311*
11.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.; - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. (Điều 43 NĐ 79/2014/NĐ-CP)	*4329*
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	*8299*
14.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
15.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
16.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
17.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
22.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
23.	Xây dựng công trình điện	*4221*
24.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
25.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
26.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*

27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
28.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà	*4390*
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý, môi giới hàng hóa	*4610*
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	*4659*
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
35.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
37.	In ấn	*1811*
38.	Lập trình máy vi tính	*6201*
39.	Đại lý du lịch	*7911*
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics - Gửi hàng - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; - Giao nhận hàng hoá; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.	*5229*

41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
43.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
45.	Vận tải hành khách đường sắt	*4911*
46.	Vận tải hàng hóa đường sắt	*4912*
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	*4932*
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hoá thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hoá thông thường khác (Khoản 5 Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Vận tải hàng nguy hiểm (Khoản 3 Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng (Khoản 2 Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Vận tải hàng hoá bằng container (Khoản 4 Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	*4933*
50.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: -Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình), cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí): - Đồ dệt, trang phục và giầy dép; - Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phông bạt, quần áo; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình;	*7729*
51.	Quảng cáo	*7310*
52.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
53.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán);	*6619*

54.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật , tài chính, kế toán, thuế, chứng khoán);	*7020*
55.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
56.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
57.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
58.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
60.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy (Điều 45 NĐ 79/2014/NĐ-CP)	*4669*
64.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	*6810*
65.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
66.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
67.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
68.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
70.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*

6. Vốn điều lệ: 39.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG MINH	Số 11 Tổ 55 Cụm 10, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.560.000	15.600.000.000	40,000	001086000860	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.560.000	15.600.000.000	40,000		
2	NGUYỄN THỊ XUÂN	Số 11 Tổ 55 Cụm 10, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.170.000	11.700.000.000	30,000	0341500001	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.170.000	11.700.000.000	30,000		

3	NGUYỄN THẾ GHI	Số 11A Hẻm 218/27/8 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.170.000	11.700.000.000	30,000	001046004092	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.170.000	11.700.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG MINH Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *03/01/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *001086000860*
Ngày cấp: *22/11/2013* Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 11 Tổ 55 Cụm 10, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 37 Tổ 26, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội